

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc ban hành Quy chế Niêm yết chứng khoán**  
**tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg ngày 02/1/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 2882/QĐ-BTC ngày 22/11/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012;

Căn cứ Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Căn cứ Quyết định số 383/QĐ-BTC ngày 01/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc giao phụ trách Ban điều hành Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ công văn số 3148/UBCK-PTTT ngày 09/6/2016 và công văn số 6672/UBCK - PTTT ngày 01/10/2016 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận ban hành Quy chế Niêm yết Chứng khoán tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐQT ngày 10/8/2016 của Hội đồng Quản trị Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội về việc thông qua nội dung dự thảo Quy chế Niêm yết Chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;



Theo đề nghị của Giám đốc Phòng Quản lý Niêm yết và Giám đốc Phòng  
Thẩm định Niêm yết,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế niêm yết chứng khoán  
tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định  
số 18/QĐ-SGDHN ngày 17/1/2014 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng  
khoán Hà Nội về việc ban hành Quy chế niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch  
Chứng khoán Hà Nội.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở Giao dịch  
Chứng khoán Hà Nội, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi  
hành Quyết định này. *[Handwritten signature]*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBCKNN (để b/c);
- TTLKCKVN;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- Lưu: VT, TĐNY, QLNY.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



**Nguyễn Thị Hoàng Lan**

*[Handwritten signature]*

## **QUY CHẾ**

**Niên yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 689/QĐ-SGDHN ngày 13 tháng 10 năm 2016  
của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định về niên yết chứng khoán của tổ chức đăng ký niên yết, tổ chức niên yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (sau đây gọi tắt là SGDCK) bao gồm: đăng ký niên yết, thay đổi đăng ký niên yết, hủy niên yết, cảnh báo, kiểm soát, tạm ngừng giao dịch đối với chứng khoán niên yết.

2. Đối tượng áp dụng: Đối tượng áp dụng của Quy chế này bao gồm tổ chức đăng ký niên yết, tổ chức niên yết và những đối tượng có liên quan của tổ chức đăng ký niên yết hoặc tổ chức niên yết.

#### **Điều 2. Giải thích thuật ngữ**

Ngoài các thuật ngữ đã được giải thích trong Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niên yết chứng khoán trên Sở giao dịch chứng khoán, trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Niên yết chứng khoán: là việc đưa chứng khoán có đủ điều kiện niên yết vào giao dịch tại SGDCK.
2. Chứng khoán niên yết: là cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp được chấp thuận niên yết tại SGDCK.
3. Đăng ký niên yết: là việc tiến hành các thủ tục để chứng khoán có đủ điều kiện được chấp thuận niên yết tại SGDCK.
4. Thay đổi đăng ký niên yết: là việc tiến hành các thủ tục để thay đổi số lượng chứng khoán niên yết tại SGDCK.
5. Hủy niên yết: là việc chấm dứt giao dịch chứng khoán niên yết tại SGDCK.

02  
S  
GIAC  
HUNG  
HI

6. Tổ chức đăng ký niêm yết: là tổ chức thực hiện đăng ký niêm yết chứng khoán tại SGDCK.

7. Tổ chức niêm yết: là tổ chức có chứng khoán niêm yết tại SGDCK.

8. Hội đồng Niêm yết: là Hội đồng được thành lập theo quyết định của SGDCK và hoạt động theo Quy chế hoạt động của Hội đồng niêm yết tại SGDCK.

9. Hệ thống quản lý thông tin công ty của SGDCK: là hệ thống tiếp nhận báo cáo và thông tin công bố của SGDCK đối với tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch và công ty chứng khoán thành viên.

10. Nghị định số 58/2012/NĐ-CP: Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

11. Nghị định số 60/2015/NĐ-CP: Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

12. Thông tư số 202/2015/TT-BTC: Thông tư số 202/2015/TT-BTC ngày 18/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về niêm yết chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán.

13. Thông tư số 155/2015/TT-BTC: Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

## **Chương II**

### **ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

#### **Điều 3. Điều kiện niêm yết**

1. Điều kiện niêm yết chứng khoán tại SGDCK được quy định tại Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP. Điều kiện niêm yết chứng khoán của công ty hợp nhất được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 và Điều 6 Thông tư số 202/2015/TT-BTC. Điều kiện niêm yết chứng khoán của công ty nhận sáp nhập được quy định tại khoản 4, khoản 6 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

2. Tiêu chí “tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) năm liền trước năm đăng ký niêm yết” được quy định tại khoản 4, Điều 3 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

Tiêu chí ROE được tính trên báo cáo tài chính kiểm toán của công ty hợp nhất, trong hồ sơ đăng ký niêm yết. Tùy thuộc vào thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết, tổ chức đăng ký niêm yết được lựa chọn báo cáo tài chính được lập tại thời điểm gần nhất, nhưng không quá sáu (06) tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ, bao gồm báo cáo tài chính lập ngay sau thời điểm hợp nhất hoặc báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính bán niên hoặc báo cáo tài chính năm lập sau thời điểm hợp nhất.

3. Các tiêu chí “không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm”, “không có lỗ lũy kế tính đến thời điểm đăng ký niêm yết” được xem xét trên báo cáo tài



chính tại thời điểm gần nhất. Đối với các tổ chức đăng ký niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị trực thuộc, tiêu chí “không có lỗ lũy kế” được xem xét trên báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp, tiêu chí “không có khoản nợ phải trả quá hạn trên 01 năm” chỉ áp dụng cho công ty mẹ/đơn vị kế toán cấp trên.

4. Các chức danh Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng theo tiêu chí cam kết nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nội bộ quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 53 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP còn được áp dụng cho các chức danh tương đương khác quy định tại Khoản 5c và 5d Điều 2 Thông tư số 155/2015/TT-BTC.

#### **Điều 4. Hồ sơ đăng ký niêm yết**

1. Hồ sơ đăng ký niêm yết thực hiện theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP, khoản 18 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP và Điều 9 Thông tư số 202/2015/TT-BTC và các tài liệu cần thiết khác, chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này, trong đó:

1.1. Bản cáo bạch lập theo mẫu tại Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 202/2015/TT-BTC và đáp ứng các yêu cầu sau :

1.1.1. Đầy đủ chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) liên quan đến việc đăng ký niêm yết, Kế toán trưởng hoặc Giám đốc tài chính, Trưởng ban Kiểm soát của tổ chức đăng ký niêm yết và người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký niêm yết (nếu có). Trường hợp ký thay phải có giấy ủy quyền theo quy định của pháp luật;

1.1.2. Đầy đủ phụ lục đính kèm Bản cáo bạch theo quy định;

1.1.3. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông của tổ chức đăng ký niêm yết đã thông qua nghị quyết về việc phát hành thêm cổ phiếu; phát hành trái phiếu và/hoặc trái phiếu chuyển đổi nhưng chưa thực hiện thì phải bổ sung thông tin về những nội dung này vào Bản cáo bạch;

1.1.4. Điều lệ của tổ chức đăng ký niêm yết được xây dựng tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

1.2. Sổ đăng ký cổ đông được lập trong vòng một (01) tháng trước thời điểm nộp hồ sơ đăng ký niêm yết; kèm theo danh sách cổ đông lớn, người nội bộ, cổ đông chiến lược, người được ủy quyền công bố thông tin và nhóm người có liên quan của người nội bộ, người được ủy quyền công bố thông tin.

Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty đại chúng đã đăng ký chứng khoán tại Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam thì bổ sung bản sao Công văn thông báo cho Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để lập sổ đăng ký cổ đông (ngoại trừ trường hợp đã đăng ký chứng khoán để niêm yết tại SGDCK).

1.3. Báo cáo tài chính của tổ chức đăng ký niêm yết

1.3.1. Các loại báo cáo tài chính

a) Các loại báo cáo tài chính bao gồm: Báo cáo tài chính năm liền trước năm đăng ký niêm yết, báo cáo tài chính năm liền trước năm thực hiện hợp nhất (đối với công ty tham gia hợp nhất là các công ty chưa niêm yết), báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (đối với tổ chức đăng ký niêm yết là công ty đại chúng quy mô lớn), báo cáo tài chính tháng/quý, báo cáo kiểm toán vốn điều lệ. Tổ chức đăng ký niêm yết căn cứ vào đặc thù của tổ chức đăng ký niêm yết để nộp các loại báo cáo tài chính phù hợp theo quy định của pháp luật.

b) Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc, tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp báo cáo tài chính của công ty mẹ cùng với báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định của pháp luật kế toán.

c) Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty hợp nhất từ các công ty chưa niêm yết thực hiện đăng ký niêm yết trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp báo cáo tài chính kiểm toán năm liền trước năm thực hiện hợp nhất của các công ty tham gia hợp nhất.

d) Trường hợp có những biến động bất thường về tình hình tài chính sau thời điểm kết thúc niên độ của báo cáo tài chính gần nhất, tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung báo cáo tài chính đến tháng hoặc quý gần nhất.

e) Trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết thực hiện phát hành thêm chứng khoán để tăng vốn sau thời điểm kết thúc niên độ của báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất, tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện kiểm toán vốn điều lệ cho phần phát hành thêm đó và nộp báo cáo kiểm toán vốn cho SGDCK.

g) Trong trường hợp cần thiết, SGDCK có thể yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết kiểm toán/soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ.

### 1.3.2. Thời hạn nộp báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính quý, báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét (đối với công ty đại chúng quy mô lớn) áp dụng theo quy định về thời hạn nộp báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết.

### 1.3.3. Báo cáo tài chính phải đáp ứng các quy định sau:

a) Tuân thủ các quy định của pháp luật về kế toán báo cáo tài chính;

b) Báo cáo tài chính bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Bản thuyết minh báo cáo tài chính và Phụ lục (nếu có).

c) Báo cáo tài chính năm, báo cáo kiểm toán đối với khoản mục vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ đã góp của tổ chức đăng ký niêm yết phải được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận. Đối với các công ty tham gia hợp nhất, sáp nhập, báo cáo tài chính phải được kiểm toán theo quy định pháp luật về kiểm toán độc lập.

Ý kiến kiểm toán đối với khoản mục vốn chủ sở hữu, vốn điều lệ đã góp phải là ý kiến chấp nhận toàn phần. Trường hợp ý kiến kiểm toán đối với báo cáo tài chính là chấp nhận có ngoại trừ, thì yếu tố ngoại trừ không phải là khoản mục vốn

chủ sở hữu (trừ trường hợp doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa có ý kiến ngoại trừ về việc chưa thực hiện bàn giao vốn nhà nước) và khoản mục trọng yếu khác như: tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định, các khoản phải thu, nợ phải trả.

d) Báo cáo tài chính bán niên (trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là công ty đại chúng quy mô lớn), báo cáo tài chính giữa niên độ (trường hợp SGDCK yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết phải kiểm toán/soát xét) phải được kiểm toán/soát xét bởi tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận và là tổ chức kiểm toán được chấp thuận đã được chọn để kiểm toán báo cáo tài chính năm của tổ chức đăng ký niêm yết. Trường hợp ý kiến kiểm toán là chấp nhận có ngoại trừ thì phải có tài liệu giải thích hợp lý về cơ sở cho việc ngoại trừ đó;

e) Báo cáo tài chính nếu là bản sao phải là bản sao có chứng thực của cơ quan công chứng (trường hợp Báo cáo tài chính đã được kiểm toán/soát xét) hoặc của tổ chức đăng ký niêm yết (trường hợp báo cáo tài chính chưa được kiểm toán);

f) Trường hợp báo cáo tài chính lập theo đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ thì tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp báo cáo tài chính quy đổi ra đồng Việt Nam đã được kiểm toán và báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ.

2. Hồ sơ đăng ký niêm yết được lập thành 02 bộ trong đó có 01 bộ bản gốc và 01 bộ bản dữ liệu điện tử.

#### **Điều 5. Trình tự, thủ tục đăng ký niêm yết**

1. Tổ chức đăng ký niêm yết nộp hồ sơ đăng ký niêm yết cho SGDCK.

Tổ chức đăng ký niêm yết là công ty hợp nhất theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 6 Thông tư số 202/2015/TT-BTC phải hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quá thời hạn trên, công ty hợp nhất không hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết thì trong vòng sáu (06) tháng tiếp theo, công ty phải hoàn tất thủ tục đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom.

Tổ chức đăng ký niêm yết là công ty hợp nhất theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Thông tư số 202/2015/TT-BTC phải hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quá thời hạn trên, công ty hợp nhất phải đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

2. Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký niêm yết, SGDCK có công văn yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết (nếu cần). Tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của SGDCK. Bản sửa đổi phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ đăng ký niêm yết gửi SGDCK hoặc của những người cùng chức danh với những người đó. Trường hợp ký thay phải có giấy ủy quyền hợp lệ.

3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, SGDCK quyết định việc chấp thuận hoặc từ chối niêm yết sau khi thông qua Hội đồng Niêm yết. Trường hợp từ chối niêm yết, SGDCK trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.



4. Việc tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ và quyết định chấp thuận/từ chối niêm yết chứng khoán tại SGDCK được thực hiện theo Quy trình xử lý hồ sơ đăng ký niêm yết chứng khoán quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế này.

5. Trường hợp hồ sơ có những nội dung phức tạp, cần xin thêm ý kiến về chế độ, chính sách, SGDCK có công văn gửi cơ quan liên quan. SGDCK sẽ tiếp tục xem xét, thẩm định hồ sơ đăng ký niêm yết sau khi có ý kiến phản hồi từ cơ quan liên quan.

#### **Điều 6. Hoàn tất thủ tục để chính thức giao dịch trên SGDCK**

1. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết của SGDCK, tổ chức niêm yết có trách nhiệm:

1.1. Công bố thông tin về việc niêm yết trên một (01) kỳ của một tờ báo trung ương hoặc một tờ báo địa phương nơi tổ chức đăng ký niêm yết có trụ sở chính hoặc trang thông tin điện tử của SGDCK và trên phương tiện công bố thông tin của tổ chức niêm yết;

1.2. Nộp phí đăng ký niêm yết và phí quản lý niêm yết của năm được chấp thuận niêm yết cho SGDCK theo quy định hiện hành;

2. Trong vòng ba (03) tháng kể từ ngày được cấp Quyết định chấp thuận niêm yết, tổ chức niêm yết phải hoàn tất các thủ tục liên quan và đưa chứng khoán vào giao dịch tại SGDCK.

Tổ chức niêm yết có trách nhiệm đăng ký ngày giao dịch đầu tiên, giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên dự kiến. Trường hợp SGDCK đã thông báo ngày giao dịch đầu tiên, tổ chức niêm yết không được thay đổi trong vòng ba (03) ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên đã thông báo.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của tổ chức đăng ký niêm yết và các tổ chức liên quan**

1. Trong quá trình hồ sơ đăng ký niêm yết đang được thẩm định, nếu có những sự kiện phát sinh ảnh hưởng lớn đến cơ cấu tổ chức, nhân sự chủ chốt, hoạt động sản xuất kinh doanh, tài sản, tình hình tài chính và các nội dung quan trọng khác của Bản cáo bạch, tổ chức đăng ký niêm yết phải thực hiện chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết cho phù hợp. Tổ chức đăng ký niêm yết phải nộp bổ sung đầy đủ báo cáo tài chính đã kiểm toán, các tài liệu hợp lệ khác theo quy định tại Điều 57 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (nếu phát sinh thay đổi) và cập nhật tới thời điểm bộ hồ sơ đăng ký niêm yết đầy đủ, hợp lệ.

2. Trong thời gian xem xét hồ sơ, tổ chức đăng ký niêm yết phải bổ sung và hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết theo yêu cầu của SGDCK để đảm bảo thông tin được công bố chính xác, trung thực, đầy đủ.

3. Tổ chức đăng ký niêm yết phải hoàn tất hồ sơ đăng ký niêm yết theo yêu cầu của SGDCK trong vòng sáu (06) tháng kể từ ngày SGDCK có công văn yêu cầu bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết. Quá thời hạn trên, tổ chức đăng ký niêm yết phải làm lại hồ sơ đăng ký niêm yết mới nếu tiếp tục thực hiện đăng ký niêm yết.



**Chương III**  
**THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT**

**Điều 8. Các trường hợp thay đổi đăng ký niêm yết**

Tổ chức niêm yết phải làm thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 59 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP; trường hợp theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 Thông tư số 202/2015/TT-BTC; trường hợp theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC; trường hợp theo quy định tại khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

**Điều 9. Điều kiện niêm yết của tổ chức niêm yết nhận sáp nhập, tổ chức niêm yết thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác hoặc khoản nợ của tổ chức phát hành đối với chủ nợ**

Điều kiện niêm yết chứng khoán tại SGDCK của tổ chức niêm yết nhận sáp nhập được quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 hoặc các khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

Điều kiện niêm yết chứng khoán tại SGDCK của tổ chức niêm yết thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi được quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 3 hoặc khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

Trong đó, tỷ lệ lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) được tính theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

**Điều 10. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết**

1. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết tại SGDCK được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I (Danh mục hồ sơ đăng ký niêm yết, thay đổi đăng ký niêm yết và hủy niêm yết chứng khoán tại SGDCK) ban hành kèm theo Quy chế này.

Trong đó, Báo cáo tài chính của tổ chức niêm yết phải đáp ứng theo quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

2. Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết được lập thành 01 bộ bản gốc kèm theo 01 bản dữ liệu điện tử.

**Điều 11. Thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết**

1. Tổ chức niêm yết nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết theo quy định cho SGDCK.

a) Trường hợp chào bán ra công chúng hoặc chào bán riêng lẻ (trừ chào bán cổ phiếu để hoán đổi trong hoạt động sáp nhập theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC và hoán đổi cổ phiếu, phần vốn góp hoặc các khoản nợ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC), tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.

b) Trường hợp phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty, tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký niêm yết

bổ sung trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày UBCKNN gửi thông báo kết quả phát hành cho tổ chức niêm yết.

c) Trường hợp tổ chức niêm yết nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại điểm a các khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung trong vòng một (01) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp mới.

Trường hợp tổ chức niêm yết nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại điểm b các khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung trong vòng sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp mới.

Trường hợp tổ chức niêm yết nhận sáp nhập đáp ứng quy định tại điểm c các khoản 1, khoản 2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung sau một (01) năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp mới và trong vòng một (01) tháng tiếp theo.

d) Trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp hoặc các khoản nợ đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung trong vòng sáu (06) tháng, kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi.

Trường hợp tổ chức niêm yết thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp hoặc các khoản nợ đáp ứng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, tổ chức niêm yết phải thực hiện đăng ký niêm yết bổ sung sau một (01) năm kể từ ngày hoàn tất việc hoán đổi và trong vòng một (01) tháng tiếp theo.

e) Trường hợp tổ chức niêm yết bị tách hoặc thực hiện tiêu hủy cổ phiếu quỹ, tổ chức niêm yết phải thực hiện thủ tục thay đổi đăng ký niêm yết tối thiểu mười (10) ngày làm việc trước ngày chốt danh sách để thực hiện tách doanh nghiệp hoặc ngày thực hiện tiêu hủy cổ phiếu quỹ.

2. Sau khi nhận được hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết, SGDCK có công văn yêu cầu Tổ chức niêm yết sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu cần). Tổ chức niêm yết phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của SGDCK. Bản sửa đổi phải có chữ ký của những người đã ký trong hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết gửi SGDCK hoặc của những người cùng chức danh với những người đó. Trường hợp ký thay phải có giấy uỷ quyền hợp lệ.

3. Trường hợp chào bán cổ phiếu để hoán đổi trong hoạt động sáp nhập theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC và hoán đổi cổ phiếu, phần vốn góp hoặc các khoản nợ theo quy định tại Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, trong vòng ba mươi (30) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, SGDCK có trách nhiệm chấp thuận hoặc từ chối thay đổi đăng ký niêm yết.

Ngoại trừ trường hợp nêu trên, trong vòng năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, SGDCK có trách nhiệm chấp thuận hoặc từ chối thay đổi đăng ký niêm yết. Trường hợp từ chối, SGDCK có văn bản giải thích rõ lý do.

4. Trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày SGDCK cấp Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết chứng khoán, tổ chức niêm yết thực hiện nộp phí thay đổi đăng ký niêm yết và phí quản lý niêm yết (nếu phát sinh) cho SGDCK theo quy định hiện hành.

5. Trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày SGDCK cấp Quyết định chấp thuận thay đổi niêm yết chứng khoán, tổ chức niêm yết phải hoàn tất các thủ tục liên quan và đưa chứng khoán vào giao dịch/giao dịch trở lại tại SGDCK.

Tổ chức niêm yết có trách nhiệm đăng ký ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu mới niêm yết chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày giao dịch đầu tiên dự kiến.

6. SGDCK sẽ thông báo ngày giao dịch đầu tiên cho số lượng cổ phiếu mới niêm yết hoặc thông báo ngày chứng khoán được phép giao dịch trở lại (đối với trường hợp tách, gộp cổ phiếu; tách doanh nghiệp) hoặc thông báo ngày huỷ niêm yết phần cổ phiếu giảm (đối với trường hợp thay đổi giảm số lượng cổ phiếu niêm yết) trên cơ sở đề nghị của tổ chức niêm yết.

#### **Chương IV**

### **CÁC TRƯỜNG HỢP TỔ CHỨC NIÊM YẾT BỊ NHẮC NHỞ VI PHẠM TRÊN TOÀN THỊ TRƯỜNG, CHỨNG KHOÁN BỊ CẢNH BÁO, KIỂM SOÁT, TẠM NGỪNG GIAO DỊCH**

#### **Điều 12. Tổ chức niêm yết bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường**

1. Tổ chức niêm yết bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường khi vi phạm công bố thông tin từ ba (03) lần trở lên trong vòng một (01) năm.

2. SGDCK thực hiện công bố thông tin khi tổ chức niêm yết bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường theo quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức niêm yết phải thực hiện giải trình nguyên nhân và đưa ra phương án khắc phục tình trạng bị nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

#### **Điều 13. Chứng khoán bị cảnh báo**

1. Chứng khoán bị cảnh báo khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1.1. Vốn điều lệ đã góp của tổ chức niêm yết giảm xuống dưới 30 tỷ đồng Việt Nam (đối với cổ phiếu) hoặc dưới 10 tỷ đồng Việt Nam (đối với trái phiếu doanh nghiệp) tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất;

1.2. Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính từ ba (03) tháng trở lên;

1.3. Cổ phiếu không có giao dịch trong vòng sáu (06) tháng;

1.4. Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán năm gần nhất của tổ chức niêm yết là số âm (có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán). Trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị



kế toán trực thuộc thì lợi nhuận sau thuế căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con thì lợi nhuận sau thuế căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất;

1.5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên báo cáo tài chính kiểm toán năm của công ty là số âm. Trường hợp tổ chức niêm yết có các đơn vị kế toán trực thuộc, tổ chức niêm yết có công ty con thì lỗ lũy kế căn cứ vào báo cáo tài chính tổng hợp/báo cáo tài chính hợp nhất;

1.6. Tổ chức niêm yết chậm nộp báo cáo tài chính kiểm toán năm hoặc báo cáo tài chính soát xét bán niên quá mười lăm (15) ngày kể từ ngày hết hạn công bố thông tin theo quy định;

1.7. Tổ chức niêm yết vi phạm quy định công bố thông tin từ bốn (04) lần trở lên trong vòng một (01) năm ;

1.8. Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. SGDCK lên ký hiệu cảnh báo đối với chứng khoán niêm yết và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Tổ chức niêm yết có chứng khoán thuộc diện bị cảnh báo phải giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị cảnh báo, đưa ra phương án khắc phục tình trạng bị cảnh báo và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK.

4. Đưa ra khỏi diện bị cảnh báo

4.1 SGDCK sẽ xem xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo đối với chứng khoán sau khi tổ chức niêm yết khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị cảnh báo.

4.2 Trường hợp chứng khoán bị cảnh báo theo quy định tại khoản 1.1, 1.4, 1.5 Điều này, SGDCK sẽ xem xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo đối với chứng khoán căn cứ vào báo cáo tài chính quý được soát xét hoặc bán niên được soát xét hoặc báo cáo tài chính kiểm toán năm.

4.3 Trường hợp chứng khoán bị cảnh báo theo quy định tại khoản 1.6, 1.7 Điều này, SGDCK sẽ xem xét dỡ bỏ ký hiệu cảnh báo nếu tổ chức niêm yết không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu sáu (06) tháng tiếp theo kể từ ngày SGDCK đưa chứng khoán vào diện bị cảnh báo.

5. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc đưa chứng khoán ra khỏi diện bị cảnh báo.

#### **Điều 14. Chứng khoán bị kiểm soát**

1. Chứng khoán bị kiểm soát khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1.1. Vốn điều lệ đã góp của tổ chức niêm yết giảm xuống dưới 30 tỷ đồng Việt Nam (đối với cổ phiếu) hoặc dưới 10 tỷ đồng Việt Nam (đối với trái phiếu doanh nghiệp) tính theo giá trị ghi trên báo cáo tài chính kỳ kế tiếp sau khi chứng khoán bị cảnh báo theo quy định tại khoản 1.1 Điều 13 Quy chế này.



1.2. Tổ chức niêm yết ngừng hoặc bị ngừng các hoạt động sản xuất, kinh doanh chính từ chín (09) tháng trở lên;

1.3. Lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính kiểm toán trong hai (02) năm gần nhất của tổ chức niêm yết là số âm (có tính đến ảnh hưởng của ý kiến ngoại trừ của đơn vị kiểm toán); Trường hợp tổ chức niêm yết là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lợi nhuận sau thuế căn cứ trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con thì lợi nhuận sau thuế căn cứ vào lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ trên báo cáo tài chính hợp nhất;

1.4. Lỗ lũy kế vượt quá vốn điều lệ thực góp tại báo cáo tài chính bán niên soát xét gần nhất. Đối với tổ chức niêm yết có công ty con hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc thì lỗ lũy kế căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất/báo cáo tài chính tổng hợp;

1.5. Tổ chức niêm yết tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán hoặc/và không khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc bị đưa vào diện cảnh báo sau khi chứng khoán bị cảnh báo theo quy định tại khoản 1.6 và khoản 1.7 Điều 13 Quy chế này;

1.6. Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ quyền lợi của các nhà đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận.

2. SGDCK lên ký hiệu kiểm soát đối với chứng khoán niêm yết và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hạn chế giao dịch của chứng khoán bị kiểm soát

3.1 Trường hợp chứng khoán bị kiểm soát theo quy định tại khoản 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 Điều này sẽ bị hạn chế về thời gian giao dịch cho đến khi tổ chức niêm yết giải trình đầy đủ theo yêu cầu của SGDCK. Căn cứ trên giải trình của tổ chức niêm yết, SGDCK sẽ xem xét dỡ bỏ hạn chế giao dịch của chứng khoán niêm yết. Thời gian hạn chế giao dịch đối với chứng khoán bị kiểm soát tối thiểu là hai (02) ngày giao dịch.

3.2 Trường hợp chứng khoán bị kiểm soát theo quy định tại khoản 1.5, 1.6 Điều này sẽ bị hạn chế về thời gian và/hoặc biên độ giao dịch.

4. Đưa ra khỏi diện bị kiểm soát

4.1 SGDCK sẽ xem xét dỡ bỏ ký hiệu kiểm soát đối với chứng khoán sau khi tổ chức niêm yết khắc phục được nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị kiểm soát.

4.2 Trường hợp chứng khoán bị kiểm soát theo quy định tại khoản 1.1, 1.3, 1.4 Điều này, SGDCK sẽ căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán năm hoặc báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét để xem xét dỡ bỏ ký hiệu kiểm soát đối với chứng khoán. Riêng đối với trường hợp quy định tại khoản 1.3 Điều này sẽ được đưa ra khỏi diện bị kiểm soát khi công ty có lãi và không có lỗ lũy kế, hoặc chuyển sang diện cảnh báo khi công ty có lãi nhưng vẫn còn lỗ lũy kế.

4.3 Trường hợp chứng khoán bị kiểm soát theo quy định tại khoản 1.5 Điều

này, SGDCK sẽ xem xét dỡ bỏ ký hiệu kiểm soát hoặc chuyển sang diện bị cảnh báo nếu tổ chức niêm yết khắc phục hoàn toàn nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị kiểm soát hoặc/và không vi phạm quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán trong tối thiểu sáu (06) tháng tiếp theo kể từ ngày SGDCK đưa chứng vào diện bị kiểm soát.

5. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc đưa chứng khoán ra khỏi diện bị kiểm soát.

#### **Điều 15. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch**

1. Chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

1.1. Giá, khối lượng giao dịch chứng khoán có biến động bất thường;

1.2. Tổ chức niêm yết không có biện pháp khắc phục nguyên nhân dẫn đến việc chứng khoán bị đưa vào diện kiểm soát hoặc/và tiếp tục vi phạm các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán sau khi đã bị đưa vào diện kiểm soát;

1.3. Thực hiện việc tách, gộp cổ phiếu; bị tách doanh nghiệp;

1.4. Trong trường hợp SGDCK xét thấy cần thiết để bảo vệ lợi ích của nhà đầu tư sau khi được sự chấp thuận của UBCKNN.

2. SGDCK tạm ngừng giao dịch đối với chứng khoán và thực hiện công bố thông tin trên toàn thị trường đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Trừ trường hợp chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch theo quy định tại khoản 1.3 Điều này, tổ chức niêm yết có chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch phải giải trình nguyên nhân dẫn đến tình trạng chứng khoán bị tạm ngừng giao dịch và công bố thông tin theo yêu cầu của SGDCK. Căn cứ giải trình của tổ chức niêm yết, SGDCK xem xét cho phép chứng khoán niêm yết được giao dịch trở lại hoặc chuyển sang diện cảnh báo/kiểm soát cho đến khi nguyên nhân dẫn đến việc bị tạm ngừng giao dịch được khắc phục hoàn toàn.

4. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc cho phép giao dịch trở lại đối với chứng khoán niêm yết.

### **Chương V HỦY BỎ NIÊM YẾT**

#### **Điều 16. Hủy bỏ niêm yết tự nguyện**

1. Các điều kiện hủy bỏ niêm yết tự nguyện thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP (Nghị định số 60/2015/NĐ-CP); trong đó tỷ lệ biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông lớn được tính toán trên cơ sở số phiếu biểu quyết của các cổ đông không phải là cổ đông

lớn của công ty trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông hoặc danh sách cổ đông được gửi phiếu biểu quyết dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

2. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ niêm yết tại SGDCK được thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quy chế này. Trong đó, phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông sau khi hủy niêm yết phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

3. Tổ chức niêm yết lập hồ sơ đề nghị hủy bỏ niêm yết theo quy định thành 01 bộ bản gốc kèm theo 01 bản dữ liệu điện tử nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho SGDCK.

4. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị hủy bỏ niêm yết, SGDCK có công văn yêu cầu tổ chức niêm yết sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu cần). Tổ chức niêm yết phải thực hiện sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu của SGDCK. Trong trường hợp cần thiết, SGDCK sẽ xin ý kiến UBCKNN và chỉ xem xét hủy niêm yết sau khi có ý kiến từ UBCKNN.

5. Trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được bộ hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, SGDCK quyết định việc chấp thuận hoặc từ chối hủy bỏ niêm yết chứng khoán sau khi thông qua Hội đồng Niêm yết. Trường hợp từ chối, SGDCK có văn bản giải thích rõ lý do.

6. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc hủy bỏ niêm yết.

#### **Điều 17. Hủy bỏ niêm yết bắt buộc**

1. Các trường hợp hủy bỏ niêm yết bắt buộc thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 20 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP hoặc không đáp ứng điều kiện niêm yết do hợp nhất, sáp nhập, hoán đổi theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 3 hoặc các Điều 6, Điều 7, Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC. Trong đó:

1.1. Tổ chức niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch chứng khoán không đáp ứng các điều kiện niêm yết quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đối với cổ phiếu; điểm a khoản 2 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP đối với trái phiếu doanh nghiệp trong thời hạn 01 năm, cụ thể:

a) Vốn điều lệ đã góp của tổ chức niêm yết giảm xuống dưới 30 tỷ đồng Việt Nam (đối với cổ phiếu) hoặc dưới 10 tỷ đồng Việt Nam (đối với trái phiếu doanh nghiệp);

b) Không đủ tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ, trừ trường hợp doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần theo quy định của Thủ tướng Chính phủ;

1.2. Kết quả sản xuất, kinh doanh bị thua lỗ trong 03 năm liên tục hoặc tổng số lỗ lũy kế vượt quá số vốn điều lệ thực góp trong báo cáo tài chính kiểm toán trước thời điểm xem xét. Kết quả sản xuất kinh doanh xác định căn cứ vào chỉ tiêu “lợi nhuận sau thuế” hoặc “lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ” (đối với trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con). Trường hợp tổ chức niêm yết có các đơn vị kế toán trực thuộc, chỉ tiêu “lợi nhuận sau thuế”, “lỗ lũy kế” căn cứ



trên báo cáo tài chính tổng hợp. Trường hợp tổ chức niêm yết có công ty con, chỉ tiêu "lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ", "lỗ lũy kế" căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất;

1.3. Trường hợp tổ chức niêm yết chấm dứt sự tồn tại do sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể hoặc phá sản, SGDCK sẽ xem xét hủy niêm yết bắt buộc khi tổ chức niêm yết gửi báo cáo và nộp đầy đủ các tài liệu là căn cứ pháp lý liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện chốt danh sách cổ đông để thực hiện thủ tục sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể hoặc phá sản theo quy định;

1.4. SGDCK căn cứ vào BCTC bán niên soát xét hoặc BCTC kiểm toán năm lập sau thời điểm sáp nhập được TCNY công bố thông tin trong vòng sáu (06) tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới để xem xét hủy niêm yết bắt buộc đối với trường hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

2. SGDCK thông báo cho tổ chức niêm yết và công bố thông tin ra thị trường khi phát hiện chứng khoán niêm yết có khả năng bị hủy bỏ niêm yết theo quy định tại các điểm a, b, d, đ, h, k, l, m khoản 1 Điều 60 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và yêu cầu tổ chức niêm yết báo cáo, giải trình cụ thể (nếu thấy cần thiết).

3. Trường hợp buộc phải hủy niêm yết, SGDCK ban hành quyết định hủy bỏ niêm yết sau khi thông qua Hội đồng Niêm yết.

4. SGDCK có thể xem xét cho chứng khoán thuộc diện hủy bỏ niêm yết được tiếp tục giao dịch trong thời hạn tối đa một (01) tháng kể từ ngày ra quyết định hủy bỏ niêm yết, trừ trường hợp hủy niêm yết để đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom do không còn đáp ứng điều kiện niêm yết theo quy định liên quan tại các Điều 3, 6, 7, 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC.

5. SGDCK thực hiện công bố thông tin về việc hủy bỏ niêm yết.

#### **Điều 18. Đăng ký niêm yết lại**

1. Tổ chức có chứng khoán bị hủy bỏ niêm yết theo các quy định tại Điều 16, 17 Quy chế này chỉ được đăng ký niêm yết lại sau mười hai (12) tháng kể từ ngày bị hủy bỏ niêm yết nếu đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP.

2. Hồ sơ và thủ tục đăng ký niêm yết lại thực hiện theo quy định tại Chương II Quy chế này.

### **Chương VI**

#### **NGHĨA VỤ CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT, CỔ ĐÔNG LỚN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP TRONG THỜI GIAN BỊ HẠN CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG, NGƯỜI NỘI BỘ CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

#### **Điều 19. Nghĩa vụ của tổ chức niêm yết**

1. Duy trì điều kiện niêm yết chứng khoán theo quy định.



2. Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Bộ Tài chính, Quy chế Công bố thông tin tại SGDCK và các quy định liên quan.

3. Tuân thủ quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng theo quy định của Bộ Tài chính và các quy định liên quan.

4. Thực hiện các cam kết (nếu có) đối với SGDCK.

5. Cập nhật và công bố thông tin qua hệ thống quản lý thông tin của SGDCK.

6. Nộp các khoản phí liên quan theo đúng các quy định hiện hành.

7. Bổ sung hồ sơ của tổ chức niêm yết trong trường hợp cần thiết và/hoặc theo yêu cầu của SGDCK.

8. Cập nhật thường xuyên và thực hiện nghiêm chỉnh các quy chế của SGDCK và các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

9. Trường hợp danh sách cổ đông của tổ chức niêm yết tại ngày chốt danh sách không đủ tối thiểu 15% số cổ phiếu có quyền biểu quyết do ít nhất 100 cổ đông không phải cổ đông lớn nắm giữ, tổ chức niêm yết phải nộp cho SGDCK một (01) bản thông báo trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được danh sách cổ đông từ Trung tâm lưu ký chứng khoán.

**Điều 20. Nghĩa vụ của cổ đông lớn, cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng, người nội bộ của tổ chức niêm yết và người có liên quan của người nội bộ**

1. Thực hiện các nghĩa vụ về báo cáo và công bố thông tin theo quy định của SGDCK và các quy định có liên quan khác về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Giải trình theo yêu cầu của SGDCK trong trường hợp cần thiết.

## **Chương VII XỬ LÝ VI PHẠM**

### **Điều 21. Thẩm quyền xử lý vi phạm**

SGDCK có thẩm quyền đưa ra hình thức xử lý vi phạm phù hợp với chức năng và quyền hạn của SGDCK đối với các trường hợp vi phạm các quy định tại Quy chế này.

### **Điều 22. Các hình thức xử lý vi phạm**

1. Các hình thức xử lý vi phạm bao gồm :

- a) Nhắc nhở vi phạm trên toàn thị trường;
- b) Đưa chứng khoán vào diện cảnh báo;
- c) Đưa chứng khoán vào diện kiểm soát;
- d) Đưa chứng khoán vào diện tạm ngừng giao dịch;
- e) Hủy bỏ niêm yết bắt buộc.

2. Tùy theo tính chất và mức độ vi phạm của từng trường hợp cụ thể, Tổng Giám đốc SGDCK sẽ quyết định hình thức xử lý vi phạm phù hợp.

## **Chương VIII** **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 23. Điều khoản thi hành**

1. Tổ chức niêm yết tại SGDCK theo quy định tại khoản 1 Điều 92 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP có cổ phiếu chưa đáp ứng điều kiện niêm yết tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều 54 Nghị định số 58/2012/NĐ-CP không bị điều chỉnh bởi các quy định tại khoản 1.1 Điều 13, khoản 1.1 Điều 14, điểm a và điểm b khoản 1.1 Điều 17 Quy chế này.

2. SGDCK thực hiện giám sát việc tuân thủ Quy chế này của các đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Quy chế.

3. Trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh nghĩa vụ của các đối tượng nêu tại Điều 2 Quy chế này.

4. Việc sửa đổi bổ sung Quy chế này do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và được Hội đồng Quản trị SGDCK thông qua. *Thư*

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH**



**Nguyễn Thị Hoàng Lan**

**Phụ lục I****DANH MỤC HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT, THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ HỦY NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

(Kèm theo Quy chế Niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày ... tháng ... năm 201... của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội)

<b>TT</b>	<b>Tên tài liệu</b>	<b>Mẫu biểu</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết</b>		
<b>1</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu</b>		
<b>1.1</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu</b>		
a	Giấy đăng ký niêm yết cổ phiếu	Phụ lục số 01a, Thông tư 202/2015/TT-BTC	
b	Bản chính Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc niêm yết cổ phiếu hoặc quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về Đề án cổ phần hóa (trong trường hợp niêm yết cổ phiếu của DNNN thực hiện cổ phần hóa)	-	-
c	Sổ đăng ký cổ đông được lập trong thời hạn 01 tháng trước thời điểm nộp hồ sơ ĐKNY;	-	-
	Bản sao công văn thông báo cho TTLKCK Việt Nam về việc đăng ký ngày chốt danh sách cổ đông để lập sổ cổ đông (ngoại trừ trường hợp đã đăng ký chứng khoán để niêm yết tại SGDCK)	-	
d	Danh sách cổ đông lớn, người nội bộ, cổ đông chiến lược và người có liên quan của người nội bộ	Mẫu NY- 01, Phụ lục III Quy chế niêm yết tại SGDCK	
e	Bản cáo bạch và các phụ lục kèm theo Bản cáo bạch	Phụ lục số 02, Thông tư 202/2015/TT-BTC	
f	Công văn cam kết không có nợ phải trả quá hạn trên 1 năm tính đến thời điểm đăng ký niêm yết		
g	Cam kết nắm giữ 100% trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong 06 tháng	Mẫu NY - 02, Phụ lục III Quy chế	

	tiếp theo của cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định của pháp luật và Điều lệ; Cổ đông lớn là người có liên quan đến các thành viên nêu trên.	niêm yết tại SGDCK	
h	Hợp đồng tư vấn niêm yết	-	Áp dụng đối với trường hợp có tổ chức tư vấn niêm yết
i	Giấy cam kết hạn chế tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực kinh doanh đặc thù (nếu có)	-	
k	Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán do TTLKCK Việt Nam cấp	-	
l	Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần	-	Áp dụng đối với trường hợp TCĐKNY là tổ chức tín dụng cổ phần
m	Báo cáo quá trình tăng vốn	Mẫu NY - 03, Phụ lục III Quy chế niêm yết tại SGDCK	
n	Báo cáo quá trình giao dịch cổ phiếu quỹ	Mẫu NY - 04, Phụ lục III Quy chế niêm yết tại SGDCK	
o	Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có)	-	
p	Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin (nếu có)	Phụ lục 01, Thông tư 155/2015/TT-BTC	
q	Sơ yếu lý lịch của người nội bộ	Mẫu NY-05, Phụ lục III Quy chế niêm yết tại SGDCK	
r	Các tài liệu khác theo yêu cầu của SGDCK	-	Áp dụng đối với trường hợp cần làm rõ thông tin trong hồ sơ ĐKNY
1.2	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hợp nhất</b>		



*\* Trường hợp công ty hợp nhất theo quy định tại Khoản 1,2 Điều 6 Thông tư 202/2015/TT-BTC và hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết trong vòng 06 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:*

- Các tài liệu quy định tại mục 1.1 phần I Phụ lục I của Quy chế này;
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua phương án hợp nhất;
- Hợp đồng hợp nhất hợp lệ;
- Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi;
- Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định;
- Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

*\* Trường hợp công ty hợp nhất theo quy định tại Khoản 4 Điều 6 Thông tư 202/2015/TT-BTC và hoàn tất các thủ tục đăng ký niêm yết trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:*

- Các tài liệu quy định tại mục 1.1 phần I Phụ lục I của Quy chế này;
- Báo cáo tài chính kiểm toán năm liền trước năm thực hiện hợp nhất của các công ty bị hợp nhất;
- Biên bản và Nghị quyết Đại hội cổ đông thông qua phương án hợp nhất;
- Hợp đồng hợp nhất hợp lệ;
- Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi;

	<p>- Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định giá độc lập xác định;</p> <p>- Văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc hợp nhất doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền).</p> <p><i>* Trường hợp công ty hợp nhất theo quy định tại Khoản 5b, Điều 3 Thông tư 202/2015/TT-BTC:</i></p> <p>Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại mục 1.1 phần I Phụ lục này</p>		
<b>1.3</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty nhận sáp nhập</b>		
	Hồ sơ đăng ký niêm yết theo quy định tại mục 1.1 phần I Phụ lục này	-	
<b>2</b>	<b>Hồ sơ đăng ký niêm yết trái phiếu</b>		
<b>a</b>	Giấy đăng ký niêm yết trái phiếu	Phụ lục 01b, Thông tư 202/2015/TT-BTC	
<b>b</b>	Quyết định thông qua việc niêm yết trái phiếu của Hội đồng quản trị hoặc trái phiếu chuyển đổi của Đại hội đồng cổ đông (đối với công ty cổ phần), niêm yết trái phiếu của Hội đồng thành viên (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên), hoặc Chủ sở hữu công ty (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên)	-	
<b>c</b>	Sổ đăng ký chủ sở hữu trái phiếu của tổ chức đăng ký niêm yết	-	
<b>d</b>	Bản cáo bạch và các phụ lục kèm theo Bản cáo bạch	Phụ lục 02, Thông tư 202/2015/TT-BTC	
<b>e</b>	Cam kết thực hiện nghĩa vụ của tổ chức đăng ký niêm yết đối với nhà đầu tư, bao gồm các điều kiện thanh toán, tỉ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu, điều kiện chuyển đổi (trường hợp	-	

	niêm yết trái phiếu chuyển đổi) và các điều kiện khác;		
f	Cam kết bảo lãnh thanh toán hoặc Biên bản xác định giá trị tài sản bảo đảm kèm theo tài liệu hợp lệ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp và hợp đồng bảo hiểm (nếu có) đối với các tài sản đó trong trường hợp niêm yết trái phiếu có bảo đảm. Tài sản dùng để bảo đảm phải được đăng ký với cơ quan có thẩm quyền	-	
g	Hợp đồng giữa tổ chức phát hành và đại diện người sở hữu trái phiếu	-	
h	Giấy chứng nhận của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán về việc trái phiếu của tổ chức đó đã đăng ký, lưu ký tập trung	-	
i	Văn bản chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước đối với tổ chức tín dụng cổ phần	-	Áp dụng đối với trường hợp tổ chức đăng ký niêm yết là tổ chức tín dụng cổ phần
k	Bản sao hợp lệ Giấy phép kinh doanh chuyên ngành (nếu có);	-	
l	Giấy uỷ quyền thực hiện công bố thông tin (nếu có)	Phụ lục 01, Thông tư 155/2015/TT-BTC	
m	Các tài liệu khác theo yêu cầu của SGĐCK	-	Áp dụng đối với trường hợp cần làm rõ thông tin trong hồ sơ đăng ký niêm yết
<b>II</b>	<b>Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết</b>		
<b>1</b>	<b>Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết</b>		
a	Giấy đề nghị thay đổi đăng ký niêm yết	Mẫu số 05, TT 202/2015/TT-BTC	
b	Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận chào bán chứng khoán ra công chúng do UBCKNN cấp hoặc văn bản nhận đầy đủ hồ sơ của đợt phát hành	-	
c	Báo cáo kết quả phát hành	Phụ lục số 13,14,21,22 TT 162/2015/TT-BTC;	
d	Văn bản xác nhận kết quả phát hành của UBCKNN		
e	Báo cáo kiểm toán vốn	-	Không áp dụng đối với trường hợp trả cổ tức

				bảng cổ phiếu, phát hành cổ phiếu thương, tách/gộp cổ phiếu.
f	Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán đã được điều chỉnh			
g	Các tài liệu khác liên quan đến việc thay đổi số lượng chứng khoán niêm yết (nếu có)			
	Đối với các trường hợp báo cáo kiểm toán của tổ chức niêm yết đã thể hiện số lượng cổ phiếu đăng ký thay đổi niêm yết thì hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết không cần có tài liệu quy định tại điểm e mục 1 phần II Phụ lục này.			
2.	<b>Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty hình thành sau sáp nhập doanh nghiệp theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC</b>			
2.1	<p><i>* Trường hợp nhận sáp nhập doanh nghiệp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết gồm có:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tài liệu quy định tại mục 1 phần II Phụ lục này;</li> <li>- Văn bản chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về việc sáp nhập doanh nghiệp (trường hợp phải có sự chấp thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền);</li> <li>- Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới;</li> <li>- Biên bản họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án sáp nhập kèm theo bản sao hợp lệ hợp đồng sáp nhập theo quy định pháp luật;</li> <li>- Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi;</li> <li>- Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa</li> </ul>			



	<p>tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định độc lập xác định;</p> <p>- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán trước năm thực hiện sáp nhập của ty nhận sáp nhập, công ty bị sáp nhập.</p>		
2.2	<p><i>* Trường hợp nhận sáp nhập doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm b các khoản 1,2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết gồm có:</i></p> <p>- Các tài liệu quy định tại mục 2.1 phần II Phụ lục này, ngoại trừ Báo cáo tài chính năm được kiểm toán trước năm thực hiện sáp nhập của công ty nhận sáp nhập, công ty bị sáp nhập và báo cáo kiểm toán vốn;</p> <p>- Báo cáo tài chính được kiểm toán lập ngay sau thời điểm sáp nhập hoặc báo cáo tài chính quý, hoặc báo cáo tài chính bán niên, hoặc báo cáo tài chính năm lập sau thời điểm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập.</p> <p>- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán trước năm thực hiện sáp nhập của công ty nhận sáp nhập (<i>trường hợp xem xét ROE sau khi sáp nhập của công ty nhận sáp nhập với ROE của công ty đó trong năm liền trước năm thực hiện sáp nhập</i>).</p>		
2.3	<p><i>* Trường hợp nhận sáp nhập doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết gồm có:</i></p> <p>- Các tài liệu quy định tại mục 2.1 phần II Phụ lục này;</p> <p>- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của công ty bị sáp nhập.</p>		
2.4	<p><i>* Trường hợp nhận sáp nhập doanh nghiệp đáp ứng điều kiện theo quy</i></p>		

	<p>định tại điểm c các khoản 1,2 Điều 7 Thông tư số 202/2015/TT-BTC, hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết gồm có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tài liệu quy định tại mục 2.1 phần II Phụ lục này ngoại trừ Báo cáo tài chính kiểm toán năm liền trước năm sáp nhập của công ty nhận sáp nhập, công ty bị sáp nhập.</li> </ul>		
<b>3</b>	<p><b>Hồ sơ thay đổi đăng ký niêm yết cổ phiếu của công ty niêm yết thực hiện phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp tại doanh nghiệp khác hoặc khoản nợ của tổ chức phát hành đối với chủ nợ theo quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC</b></p>		
<b>3.1</b>	<p><i>* Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp hoặc các khoản nợ đáp ứng điều kiện tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các tài liệu quy định tại mục 1 phần II Phụ lục này;</li> <li>- Ý kiến của tổ chức thẩm định giá độc lập về tỷ lệ hoán đổi;</li> <li>- Văn bản giải trình và cam kết của Hội đồng quản trị về việc đã trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết về các ý kiến khác nhau (nếu có) giữa tỷ lệ hoán đổi thực hiện và tỷ lệ hoán đổi do tổ chức thẩm định độc lập xác định;</li> <li>- Báo cáo tài chính được kiểm toán lập ngay sau thời điểm phát hành cổ phiếu để hoán đổi hoặc báo cáo tài chính bán niên, báo cáo tài chính năm lập sau thời điểm hoán đổi</li> </ul>		
<b>3.2</b>	<p><i>* Trường hợp phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu, phần vốn góp hoặc các khoản nợ đáp ứng điều kiện tại điểm a khoản 2 Điều 8 Thông tư số 202/2015/TT-BTC</i></p> <p>Các tài liệu quy định tại mục 2.4 phần II Phụ lục này.</p>		
<b>III</b>	<b>Hồ sơ đăng ký hủy bỏ niêm yết tự nguyện</b>		

a	Giấy đề nghị hủy bỏ niêm yết	Mẫu NY - 06a, Phụ lục III Quy chế niêm yết tại SGDCK	
b	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy bỏ niêm yết cổ phiếu; quyết định của Hội đồng quản trị (trường hợp công ty cổ phần) hoặc Hội đồng thành viên (trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn) hoặc chủ sở hữu vốn (trường hợp công ty trách nhiệm hữu hạn 1 thành viên) hoặc văn bản chấp thuận của cấp có thẩm quyền (trường hợp doanh nghiệp Nhà nước) thông qua về việc hủy bỏ niêm yết trái phiếu;		
c	Phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông/ trái chủ/ người đầu tư		
d	Báo cáo đã hoàn tất phương án giải quyết quyền lợi cho cổ đông		

## Phụ lục II

### QUY TRÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

(Kèm theo Quy chế Niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành theo Quyết định số ... /QĐ-SGDHN ngày ... tháng .... năm .... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)

#### **Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết**

- Hồ sơ đăng ký niêm yết được nộp trực tiếp tại trụ sở của SGDCK hoặc gửi qua đường bưu điện.

- Sau khi kiểm tra sơ bộ, SGDCK sẽ cấp Phiếu nhận hồ sơ cho tổ chức đăng ký niêm yết và công bố thông tin về việc tiếp nhận hồ sơ đăng ký niêm yết trên trang thông tin điện tử của SGDCK.

#### **Bước 2: Kiểm tra hồ sơ đăng ký niêm yết**

- Sau khi nhận được hồ sơ đăng ký niêm yết, SGDCK có công văn yêu cầu tổ chức đăng ký niêm yết sửa đổi, bổ sung hồ sơ (nếu cần).

- Trong vòng 06 tháng kể từ ngày SGDCK có công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, tổ chức đăng ký niêm yết phải hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ đăng ký niêm yết theo yêu cầu của SGDCK. Quá thời hạn trên, SGDCK sẽ không tiếp tục xem xét hồ sơ ĐKNY của tổ chức ĐKNY.

- Sau khi tổ chức đăng ký niêm yết hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, SGDCK sẽ cấp Phiếu nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ cho tổ chức đăng ký niêm yết.

#### **Bước 3: Xét duyệt hồ sơ đăng ký niêm yết**

- Sau khi tổ chức đăng ký niêm yết hoàn tất việc sửa đổi, bổ sung hồ sơ theo yêu cầu, SGDCK tiến hành xem xét, phân tích hồ sơ đăng ký niêm yết và đánh giá việc đáp ứng điều kiện niêm yết thông qua Hội đồng niêm yết.

Trường hợp cần xin thêm ý kiến về chế độ, chính sách, SGDCK có công văn gửi các cơ quan liên quan. Trường hợp phát hiện tổ chức đăng ký niêm yết vi phạm các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán, SGDCK báo cáo với UBCKNN và chỉ xử lý hồ sơ sau khi có ý kiến trả lời từ UBCKNN hoặc các cơ quan có liên quan.

#### **Bước 4: Chấp thuận/từ chối đăng ký niêm yết**

- Việc chấp thuận/từ chối đăng ký niêm yết sẽ do Tổng Giám đốc SGDCK quyết định sau khi thông qua Hội đồng niêm yết. Trường hợp từ chối đăng ký niêm yết, SGDCK có công văn giải thích rõ lý do. Trường hợp chấp thuận có kèm theo các yêu cầu hoàn tất thủ tục, tổ chức niêm yết phải hoàn tất các thủ tục theo yêu cầu trước khi SGDCK cấp Quyết định chấp thuận niêm yết.

- SGDCK công bố thông tin về việc chấp thuận/từ chối đăng ký niêm yết trên trang thông tin điện tử của SGDCK.



**Bước 5: Hoàn tất thủ tục đưa chứng khoán vào giao dịch**

- SGDCK ra Thông báo ngày giao dịch đầu tiên sau khi nhận được công văn đăng ký ngày giao dịch đầu tiên và giá tham chiếu trong ngày giao dịch đầu tiên của tổ chức niêm yết.

- SGDCK phối hợp với tổ chức niêm yết tổ chức Lễ khai trương niêm yết chứng khoán mới tại SGDCK trong ngày giao dịch đầu tiên.

**Phụ lục III**  
**CÁC MẪU BIỂU CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT,**  
**THAY ĐỔI ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT VÀ HUỖ NIÊM YẾT CHỨNG**  
**KHOẢN TẠI SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOẢN HÀ NỘI**

*(Kèm theo Quy chế Niêm yết chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ban hành theo Quyết định số .../QĐ-SGDHN ngày ... tháng ..... năm..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội)*

STT	Mẫu	Nội dung
1.	NY-01	Danh sách cổ đông lớn, người nội bộ, cổ đông chiến lược và người có liên quan của người nội bộ
2.	NY-02	Cam kết của cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, cổ đông lớn và người có liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc (Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh tương đương; cổ đông lớn là người có liên quan đến các thành viên nêu trên
3.	NY-03	Báo cáo quá trình tăng vốn
4.	NY-04	Báo cáo quá trình giao dịch cổ phiếu quỹ
5.	NY-05	Sơ yếu lý lịch
6.	NY-06	Giấy đề nghị huỷ bỏ niêm yết cổ phiếu/trái phiếu

TÊN TỔ CHỨC  
ĐKNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .../.....

..., ngày ...tháng ...năm .....

DANH SÁCH CỎ ĐÔNG LỚN, CỎ ĐÔNG CHIẾN LƯỢC, NGƯỜI NỘI BỘ  
VÀ NGƯỜI CỎ LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI NỘI BỘ

TT	Họ và tên cỏ đồng	Chức vụ (đối với NNB)	Quan hệ với NNB/cỏ đồng lớn (đối với người cỏ liên quan)	Số CMT/ ĐKKD	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Tài khoản LKCK	SL cỏ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Thời gian hạn chế chuyển nhượng - nếu cỏ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
I	Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng/Người Phụ trách kế toán, người cỏ chức danh tương đương với các chức danh này và người cỏ liên quan										
II	Cỏ đồng lớn										
III	Cỏ đồng chiến lược										
III	Người được uỷ quyền CBTT và người cỏ liên quan										

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC ĐKNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: ..... /.....

..., ngày ... tháng ... năm .....

## CAM KẾT NĂM GIỮ

Chúng tôi, các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng (và các chức danh tương với các chức danh này); các cổ đông lớn là người có liên quan đến thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng (và các chức danh tương với các chức danh này) cam kết năm giữ 100% số cổ phiếu sở hữu trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết, 50% số cổ phiếu trên trong thời gian 06 tháng tiếp theo và chịu mọi hình thức xử lý theo quy định nếu vi phạm cam kết này.

Danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ tên	Chức vụ	Họ tên, chức vụ nhân sự chủ chốt (trường hợp có người liên quan là cổ đông lớn)	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Chữ ký (đối với cá nhân)/ Người đại diện theo pháp luật ký tên, đóng dấu (đối với tổ chức)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
/TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



TÊN TỔ CHỨC ĐK NY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... / .....

..., ngày ... tháng ... năm .....

## BÁO CÁO QUÁ TRÌNH TẶNG VỐN

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### I. Thông tin về Tổ chức đăng ký niêm yết

Tên Công ty : .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do ..... cấp lần đầu ngày.....tháng.....năm....., cấp thay đổi lần cuối ngày.....tháng.....năm.....

### II. Tổng hợp quá trình tặng vốn từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần đến nay:

Liệt kê tất cả các đợt tặng vốn và mỗi đợt tặng vốn phải gồm các nội dung như sau:

- Vốn điều lệ trước khi phát hành:
- Vốn điều lệ sau khi phát hành:
- Hình thức phát hành: phát hành ra công chúng/phát hành riêng lẻ
- Cơ quan chấp thuận mỗi lần phát hành cổ phiếu để tặng vốn (nếu có)
- Thời gian hạn chế chuyển nhượng (nếu có)
- Đối tượng phát hành: cổ đông hiện hữu/đối tác chiến lược/cán bộ nhân viên
- Cơ sở pháp lý của đợt tặng vốn

#### 1. Phát hành cho cổ đông hiện hữu

- Số lượng cổ đông tham gia:
- Giá phát hành:
- Ngày hoàn thành đợt chào bán:
- Số lượng phát hành

#### 2. Thương cổ phiếu/trả cổ tức bằng cổ phiếu

- Ngày hoàn thành đợt phát hành:
- Số lượng phát hành:
- Nguồn phát hành:

#### 3. Phát hành cho các đối tác chiến lược/cán bộ công nhân viên

- Số lượng phát hành:
- Số lượng người tham gia đợt phát hành:
- Ngày hoàn thành đợt chào bán:

#### 4. Các trường hợp tặng vốn khác (nếu có)

Chúng tôi cam đoan những thông tin trong báo cáo này và các tài liệu đính kèm là đầy đủ, chính xác và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/  
TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)

(Ký tên và đóng dấu)

TÊN TỜ CHỨC ĐKNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ..... /.....

..., ngày ...tháng ...năm .....

**BÁO CÁO QUÁ TRÌNH GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ**

**Kính gửi : Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

**I. Thông tin về công ty đăng ký niêm yết:**

Tên Công ty:

Trụ sở chính:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: ..... do .....cấp lần đầu ngày.....tháng...năm....., cấp thay đổi lần cuối ngày.....tháng...năm...:

**II. Báo cáo tổng hợp các đợt mua lại/bán cổ phiếu quỹ của Công ty kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần:**

Liệt kê chi tiết từng đợt mua/bán cổ phiếu quỹ và mỗi đợt mua/bán cổ phiếu quỹ phải gồm các nội dung như sau:

- Số lượng cổ phiếu quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch:
- Số lượng cổ phiếu quỹ đăng ký mua /bán:
- Tỷ lệ cổ phiếu quỹ đăng ký mua lại/bán so với tổng số cổ phiếu lưu hành:
- Mục đích:
- Nguồn vốn thực hiện (trong trường hợp mua lại):
- Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày...đến ngày.
- Số lượng cổ phiếu quỹ sau khi thực hiện mua /bán:
- Tên CTCK được ủy quyền thực hiện việc mua/bán (nếu có):

Chúng tôi đảm bảo những thông tin trên đây và các tài liệu đính kèm là đầy đủ và chính xác. Chúng tôi cam kết sẽ tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán./.

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/  
TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC)**  
(Ký tên và đóng dấu)



Ảnh màu

4x6cm

(có đóng dấu giáp  
lai của của cơ quan  
xác nhận lý lịch)**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****SƠ YẾU LÝ LỊCH**

1. Họ và tên:
2. Giới tính:
3. Ngày sinh:
4. Nơi sinh:
5. Quốc tịch:
6. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hiện nay:
7. Chứng minh thư nhân dân số:..... Nơi cấp: .....Ngày cấp:
8. Điện thoại liên hệ: Nhà riêng .....; Di động
9. Trình độ chuyên môn:
10. Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức đăng ký niêm yết
11. Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:
12. Quá trình công tác

<i>Thời gian</i>	<i>Đơn vị công tác</i>	<i>Chức vụ</i>
<i>Từ tháng năm đến tháng năm)</i>		

13. Hành vi vi phạm pháp luật:
14. Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong tổ chức đăng ký niêm yết: (nêu rõ số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
  - Sở hữu cá nhân:
  - Sở hữu đại diện:
  - Sở hữu của người có liên quan: (nêu rõ họ tên, mối quan hệ, số lượng, tỷ lệ nắm giữ)
15. Các khoản nợ đối với tổ chức đăng ký niêm yết (áp dụng đối với niêm yết cổ phiếu)
16. Thù lao và lợi ích khác nhận được từ tổ chức đăng ký niêm yết
17. Lợi ích liên quan đối với tổ chức đăng ký niêm yết

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thực, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước công ty và cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....  
Xác nhận tổ chức đăng ký niêm yết

....., ngày.....tháng.....năm.....  
Người khai  
(ký và ghi rõ họ tên)



TÊN TỔ CHỨC ĐKNY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: .... /....

..., ngày ...tháng ...năm .....

## GIẤY ĐỀ NGHỊ HỦY BỎ NIÊM YẾT CỔ PHIẾU/TRÁI PHIẾU

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

### I. Thông tin về tổ chức niêm yết:

- Tên đầy đủ:
- Tên giao dịch:
- Địa chỉ trụ sở chính:
- Điện thoại: ... Fax: ...
- Quyết định niêm yết số...do SGDHN cấp ngày ...tháng...năm .....

### II. Chứng khoán huỷ niêm yết

Căn cứ ..... số... ngày...tháng...năm ....., chúng tôi đăng ký huỷ niêm yết ...(tên chứng khoán) tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với nội dung như sau:

1. Tên chứng khoán:
2. Loại chứng khoán:
3. Mã chứng khoán:
4. Mệnh giá
5. Số lượng chứng khoán huỷ bỏ niêm yết: .....cổ phiếu/trái phiếu
6. Lý do huỷ bỏ niêm yết:
7. Thời gian dự kiến huỷ bỏ niêm yết:

Kính đề nghị Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội xem xét và chấp thuận huỷ bỏ niêm yết ...(tên chứng khoán) của Công ty chúng tôi. Chúng tôi cam kết tuân thủ mọi quy định pháp luật liên quan và nỗ lực tối đa để bảo vệ quyền lợi của các cổ đông/trái chủ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ/HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

